

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4190/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4403/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1937; cư trú tại: 28 Estateview Circle, Brampton, Ontario, L6T 3Z8, Canada; nơi tạm trú: Số 170 TL, phường DL, quận HA, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; ĐKKHKT: Số 170 TH, phường DL, quận HA, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 170 TL, phường DL, quận HA, thành phố Hải Phòng.

Ông Hoàng Ngọc S có mặt, bà Nguyễn Thị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2019 nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc S trình bày:

Ông Hoàng Ngọc S và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1999. Ông bà quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, làm thủ tục

đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/3/2008. Ông bà chung sống hạnh phúc (hàng năm ông S 6 tháng ở tại Canada còn 6 tháng về Việt Nam chung sống cùng bà T), đến năm 2018 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, chủ yếu mâu thuẫn về kinh tế. Bà T không có việc làm ổn định, đã vay tiền của nhiều người, ông S đã nhiều lần trả nợ thay cho bà T và khuyên giải bà T nhưng không có kết quả. Đầu năm 2019, thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ nên ông S đã quyết định ly hôn. Ông S và bà T đã bàn bạc thống nhất việc ly hôn và đã bán tài sản chung tự phân chia vào tháng 5/2019. Tuy nhiên, khi phân chia xong tài sản bà T đã dẫn con trai đi khỏi địa phương gây khó khăn trong việc giải quyết ly hôn. Ông được biết thi thoảng bà T có về nhà nhưng về vào lúc đêm tối.

Về con chung: Ông Hoàng Ngọc S và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Ngọc Q, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T:

Theo lời khai của ông S cho biết hiện bà T bỏ đi đâu ông cũng không rõ chỉ nghe nói bà T thi thoảng cũng quay về địa phương vào buổi tối. Ông S cũng không cung cấp được tên, địa chỉ của những người thân thích của bà T tại địa phương vì không còn ai. Bà T đã biết việc ông S đề nghị ly hôn, ông bà đã thỏa thuận về việc bán nhà chia tài sản, bà T đã nhận tiền theo Văn bản công chứng đã lập tại Văn phòng Công chứng ĐV ngày 21/5/2019. Qua xác minh tại địa phương như sau: Vợ chồng ông S và bà T sống tại số nhà 170 đường TL, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng. Khoảng cuối năm 2018, bà T lâm vào tình trạng nợ nần. Hiện nay bà T không có mặt tại địa phương, thi thoảng bà T có trở về địa phương vào buổi tối. Vì vậy, Tòa án Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Ông Hoàng Ngọc S có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa đã được chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt tài liệu, chứng cứ có liên quan trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông S và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng ngày 21/3/2008. Quá trình

chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T không chịu làm ăn, ông S đã trả nợ cho bà T nhiều lần và khuyên giải bà T nhưng không có kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp... án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc S. Về quan hệ hôn nhân: ông Hoàng Ngọc S được ly hôn bà Nguyễn Thị T. Về con chung: có một con chung là Nguyễn Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 22/01/2000, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Hoàng Ngọc S, hiện đang cư trú tại Canada có đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ quy định của pháp luật Tòa án tiến hành xác minh, niêm yết tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật. Bà T đã biết việc ông S đề nghị ly hôn, ông bà đã thỏa thuận về việc bán nhà chia tài sản, bà T đã nhận tiền theo Văn bản công chứng đã lập tại Văn phòng Công chứng ĐV ngày 21/5/2019. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Ngọc S và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/3/2008, theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà đã chung sống hạnh phúc, năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không chung sống cùng nhau nên đã bán nhà phân chia tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S đều xác định tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có

khả năng đoàn tụ vì hiện bà T đã đi nơi khác sinh sống không cho ông biết địa chỉ, đồng thời gây khó khăn cho ông S trong quá trình giải quyết ly hôn. Nay tuổi ông S đã cao, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà T không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Xét thấy cuộc sống chung của ông S bà T không còn hạnh phúc, không thể khắc phục được mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Nay ông Hoàng Ngọc S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T là có căn cứ và cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

4] Về con chung: Ông Hoàng Ngọc S và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Ngọc Q, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Ông Hoàng Ngọc S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Ông Hoàng Ngọc S là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Ông Hoàng Ngọc S và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Ngọc S được ly hôn bà Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Ông Hoàng Ngọc S và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Ngọc Q, sinh năm 2000, đã trưởng thành, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Ông Hoàng Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0001954 ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông Hoàng Ngọc S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Ông Hoàng Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà